

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

GIA LAI VIỆT NAM



Thông tin đầu tư
tỉnh Gia Lai





Toàn cảnh khu vực Quy Nhơn

GIA LAI VIỆT NAM





Cảng Quy Nhơn

5 LỜI NGỎ

6 THÔNG TIN TỔNG QUAN

- 7 Môi trường tự nhiên
- 8 Đơn vị hành chính
- 11 Giáo dục - Y tế
- 12 Trung tâm tài chính ngân hàng

13 KINH TẾ GIA LAI

- 14 Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)
- 15 Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản
- 17 Sản xuất công nghiệp
- 18 Thương mại - dịch vụ
- 18 Chỉ số gia tiêu dùng bình quân

20 VĂN HÓA - XÃ HỘI

- 21 Văn hóa - thể thao
- 22 Giáo dục
- 23 Y tế - An toàn xã hội
- 24 Quan hệ quốc tế

25 5 TRỤ CỘT TĂNG TRƯỞNG

- 26 Phát triển công nghiệp chế biến - chế tạo
- 27 Phát triển nông nghiệp công nghệ cao - lâm nghiệp bền vững
- 28 Phát triển du lịch
- 29 Phát triển dịch vụ cảng và logistics
- 30 Phát triển kinh tế đô thị theo hướng hiện đại, bền vững

31 CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

Lời ngỏ

Kính gửi Quý Nhà đầu tư và Cộng đồng Doanh nghiệp!

Tỉnh Gia Lai trân trọng gửi tới Quý Nhà đầu tư và Cộng đồng Doanh nghiệp lời chào thân ái cùng lời mời hợp tác chân thành để cùng kiến tạo tương lai tại một vùng đất đang chuyển mình mạnh mẽ: Gia Lai – trung tâm kinh tế động lực mới trên bản đồ kinh tế Việt Nam.

Gia Lai là tỉnh có diện tích tự nhiên lớn thứ hai cả nước, với 21.576,53 km² và dân số trên 3,5 triệu người, trong đó hơn 60% là lực lượng lao động. Hệ thống giáo dục với 3 trường đại học, 5 phân hiệu đại học và 21 cơ sở đào tạo nghề giúp Gia Lai hàng năm cung cấp gần 40.000 lao động có trình độ và tay nghề cao, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư. Với vị trí địa lý chiến lược kết nối liên vùng cùng nguồn nhân lực dồi dào, chất lượng cao là những lợi thế nổi bật để tỉnh trở thành trung tâm thu hút đầu tư tầm khu vực. Gia Lai là vùng đất đậm đà bản sắc văn hóa. Nơi đây là cái nôi của võ cổ truyền Bình Định lừng danh, nghệ thuật tuồng đặc sắc, nghệ thuật bài chòi – di sản văn hóa phi vật thể nhân loại, cùng lễ hội cồng chiêng và Tết Độc lập của đồng bào Ba Na. Sự hòa quyện giữa cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, biển đảo nên thơ và văn hóa Chăm Pa cổ kính tạo nên sức hút riêng cho du lịch văn hóa và tâm linh tại tỉnh.

Địa hình đa dạng từ cao nguyên, đồng bằng đến biển đảo mang lại cho Gia Lai tiềm năng to lớn để phát triển các ngành giao thương, cảng biển – logistics, du lịch sinh thái, khai thác và nuôi trồng thủy hải sản, cũng như năng lượng sạch. Tỉnh đang tập trung đầu tư và hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông chiến lược để tạo bước đột phá trong thu hút đầu tư.

Gia Lai đi đầu trong phát triển hạ tầng số, với điểm cập bờ của tuyến cáp quang biển quốc tế, Công viên Phần mềm Quang Trung, Khu đô thị và Trung tâm Trí tuệ nhân tạo, Trung tâm đào tạo và sản xuất phần mềm, cùng các dự án an ninh mạng và chip bán dẫn đang mời gọi đầu tư – mở ra cơ hội lớn trong kỷ nguyên công nghệ số.

Trong lĩnh vực thương mại, các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Gia Lai như nông sản, lâm sản, thủy sản, gỗ, dệt may, da giày... đã hiện diện tại hơn 120 quốc gia và vùng lãnh thổ, chinh phục thành công những thị trường khó tính nhất như EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc.

Tỉnh đã quy hoạch hệ sinh thái khu công nghiệp, cụm công nghiệp đồng bộ, nổi bật như Khu Kinh tế Nhơn Hội, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, Khu công nghiệp Nhơn Hội A, Khu công nghiệp Nam Pleiku Becamex VSIP Bình Định và nhiều Khu công nghiệp khác đáp ứng linh hoạt nhu cầu lựa chọn địa điểm đầu tư của doanh nghiệp.

Gia Lai xác định 5 trụ cột tăng trưởng kinh tế chiến lược: (1) Phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo lớn mạnh, trở thành trụ đỡ của nền kinh tế; (2) Phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; (3) Phát triển nông nghiệp công nghệ cao và lâm nghiệp bền vững; (4) Phát triển dịch vụ cảng – logistics; (5) Phát triển đô thị nhanh và bền vững. Chúng tôi đặc biệt chào đón các dự án quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao và đột phá. Cùng với đó, chính quyền tỉnh đã triển khai mạnh mẽ chuyển đổi số trong quản lý và cải cách hành chính, đặc biệt ở cấp xã với mô hình “**một cửa – tại chỗ**”, giúp rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục đầu tư chỉ bằng một nửa thời gian so với quy định của Chính phủ.

Với tinh thần cầu thị, đồng hành và hỗ trợ tối đa, Gia Lai cam kết không ngừng cải thiện môi trường đầu tư, tạo lập niềm tin và nền tảng vững chắc để các nhà đầu tư phát triển thành công và bền vững tại tỉnh.

Ban Biên Tập

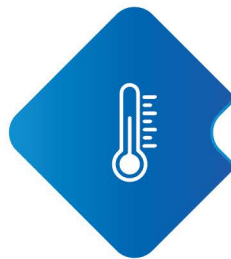
THÔNG TIN TỔNG QUAN



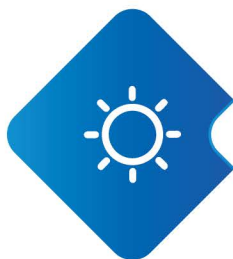
Môi trường tự nhiên



Diện tích:
21.576 km²
(thứ 2 cả nước)



Nhiệt độ trung bình:
22-27,8°C



Giờ nắng trong năm trung bình:
2.398,2
2300h



Lượng mưa bình quân toàn vùng:
1.200
2.200mm

Dân số - lao động



Tổng dân số:
3.5
triệu người



Lực lượng lao động:
>60%
so với tổng số dân

Đơn vị hành chính

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH GIA LAI

STT	Các xã, phường tập hợp	Tên xã, phường mới	Trụ sở làm việc
59	phường Tân Sơn, phường Hữu Thung, phường Hòa Lạc, phường Phú Đông và xã Tân Đa	Phường PleiKa	UBND thành phố PleiKa
60	phường Tân Đa, phường Chi Lăng và phường Hữu Phú	Phường Hộ Phú	UBND phường Chi Lăng
61	phường Yên Thế, phường Đồng Đa và phường Thống Nhất	Phường Thống Nhất	UBND phường Yên Thế
62	phường Yên Dã, phường Dân Hòa, phường Ia Kring và xã Dân Phú	Phường Dân Hòa	Thành phố PleiKa
63	phường Thống Nhất, xã An Phú và xã Chư A	Phường An Phú	UBND xã An Phú
64	xã Bình Hòa, xã Nghĩa Hưng và xã Chư Đăng Ya, xã Hòa Bình	Xã Bình Hòa	UBND xã Bình Hòa
65	xã Ia Kring và xã Gao, cùng với xã Ia Hơ	Xã Gao	UBND xã
66	thị trấn Ia Ly, xã Ia Mót, xã Ia Kring và xã Ia Kring	Xã Ia Ly	UBND thị trấn Ia Ly
67	thị trấn Phú Hòa, xã Nghĩa Hòa và xã Hòa Phú	Xã Chư Phá	UBND huyện Chư Phá
68	xã Ia Khô, xã Ia Dê, xã Ia Vơ và xã Ia Tơ	Xã Ia Khô	UBND xã Ia Khô
69	xã Ia Kơ, xã Ia Nhàn và xã Ia Phô	Xã Ia Phô	UBND xã Ia Kơ
70	thị trấn Chư Pring, xã Ia Phin, xã Ia Kơ và xã Ia Chơng	Xã Chư Pring	UBND huyện Chư
71	xã Thang Hưng, xã Hòa Cầm và xã Bình Giả	Xã Hòa Cầm	UBND xã Thang Hưng
72	xã Ia Bông, xã Ia Mót và xã Ia Bông	Xã Ia Bông	UBND xã Ia Bông
73	xã Ia Lân và xã Ia Pơ	Xã Ia Lân	UBND xã Ia Pơ
74	xã Ia Pơ, xã Ia Gao và xã Ia Vơ	Xã Ia Pơ	UBND xã Ia Pơ
75	xã Ia Bông, xã Ia Tơ và xã Ia Bông	Xã Ia Tơ	UBND xã Ia Tơ
76	thị trấn Chư Sê, xã Ia Dê, xã Ia Bông, xã Ia Pơ và xã Ia Gao	Xã Chư Sê	UBND huyện Chư Sê
77	Bến Ngang, Chư Pông, Ia Tăm, Bư Măh	Xã Bến Ngang	UBND xã Bến Ngang
78	xã Ia Bông và xã Ia Kơ, xã Ia Hơ	Xã Ia Kơ	UBND xã Ia Kơ
79	xã Kring Hơ, xã Ayan và xã Ayan	Xã Ayan	UBND xã Kring Hơ
80	thị trấn Nham Hòa, xã Chư Dê và xã Ia Pông	Xã Chư Phá	Huyện ủy Chư Phá
81	xã Ia Lê và xã Ia Bô	Xã Ia Lê	UBND xã Ia Lê
82	xã Ia Bông, xã Ia Hơ và xã Ia Bông, xã Ia Bông	Xã Ia Hơ	UBND xã Ia Hơ
83	phường Tân Sơn, phường An Phú, phường Ngã Mây, phường An Phước, phường An Tân và xã Thuận An	Phường An Khê	UBND thị xã An Khê
84	phường An Bình và xã Tân An, xã Cư An	Phường An Bình	UBND phường An Bình
85	xã Tân An và xã Tân An, xã Cư An và xã Kring Ia	Xã Tân An	UBND xã Tân An
86	thị trấn Đắk Pơ, xã Ia Tam, xã An Thạnh và xã Yang Bê	Xã Đắk Pơ	Trụ sở UBND huyện Đắk Pơ
87	xã Phú An và xã Ia Hơ	Xã Ia Hơ	UBND xã Phú An
88	thị trấn Kring Ia, xã Ia Kơ và xã Đắk Sơm	Xã Kring Ia	Trụ sở UBND huyện Kring Ia
89	xã Kring Hơ Ia, xã Ia Bông và xã Ia Bông	Xã Kring Hơ Ia	UBND xã Kring Hơ Ia
90	xã Kring Long và xã Ia Tơ	Xã Ia Tơ	UBND xã Kring Long
91	xã Sơn Lang và xã Sơn Lang	Xã Sơn Lang	UBND xã Sơn Lang
92	xã Đắk Rong và xã Kring Ia	Xã Đắk Rong	UBND xã Đắk Rong
93	thị trấn Kring Chơ, xã Yang Trung và xã Yang Nam	Xã Kring Chơ	Trụ sở UBND huyện Kring Chơ
94	Đắk Tô Pong, Kring Yang và xã Ia Mă	Xã Ia Mă	UBND xã Kring Yang
95	xã Chư Kơy và xã An Trung	Xã Chư Kơy	UBND xã An Trung
96	xã SRô và xã Đắk Kơ Nung	Xã SRô	UBND xã SRô
97	xã Đắk Sơm và xã Đắk Pông	Xã Đắk Sơm	UBND xã Đắk Sơm
98	xã Đắk Pơ Phô và xã Chư Long	Xã Chư Long	UBND xã Chư Long
99	phường Dân Kê, phường Sông Bô, phường Chư Rơn và phường Hòa Bình	Phường Ayan Pa	UBND thị xã Ayan Pa
100	xã Ia Bôh và xã Chư Bôh	Xã Ia Bôh	UBND xã Chư Bôh
101	xã Ia Bôh và xã Ia Sao	Xã Ia Sao	UBND xã Ia Sao
102	thị trấn Phú Thiện, xã Ia Sôt, xã Ia Pơ và xã Ia Lơ	Xã Phú Thiện	Trụ sở UBND huyện Phú Thiện
103	xã Chư A Thôn và xã Ayan Hơ và xã Ia Ake	Xã Chư A Thôn	UBND xã Ia Ake
104	xã Chư Pơn, xã Ia Hơ và xã Ia Pơ	Xã Ia Hơ	UBND xã Ia Hơ
105	xã Chư Bông và xã Pô Tô	Xã Pô Tô	UBND xã Pô Tô
106	xã Ia Măm, xã Kring Tân và xã Ia Tơh	Xã Ia Pa	UBND huyện Ia Pa
107	xã Ia Tơh và xã Ia Bôh, xã Ia Kring và xã Chư Mă	Xã Ia Tơh	UBND xã Ia Tơh
108	thị trấn Phú Tân, xã Phú Các, xã Chư Ngoc, xã Ia Măh và xã Đắk Bông	Xã Phú Tân	Trụ sở UBND huyện Kring Pa
109	xã Ia Hêh, xã Ia Rơh và xã Kring Nang	Xã Ia Hêh	UBND xã Ia Hêh
110	xã Chư Rơn, xã Ia Rơh và xã Chư Că	Xã Ia Rơh	UBND xã Chư Rơn
111	xã Ia Pơn, xã Ia Pơn và xã Chư Dông	Xã Ia Pơn	UBND xã Ia Pơn
112	thị trấn Đắk Dơ, xã Tân Bình và xã Gao	Xã Đắk Dơ	Trụ sở UBND huyện Đắk Dơ
113	xã Kring Gông, Đắk Kring, Hông, Nam Yang	Xã Kring Gông	UBND xã Hông
114	xã Ia Dê, xã Ia Bông	Xã Ia Bông	UBND xã Ia Dê
115	xã Hông và xã Ia Bông	Xã Hông	UBND xã Hông
116	xã Đắk Sơm và xã Ia Bông	Xã Đắk Sơm	UBND xã Đắk Sơm
117	thị trấn Kring Dông, xã Đắk Ya, Đắk Dông, Hòa Yang	Xã Mang Yang	UBND huyện Mang Yang
118	xã Ia Pong, xã Kring Thôn và xã Ia Lê	Xã Ia Pong	UBND xã Kring Thôn
119	xã Đắk Trôh và xã Kring Chông	Xã Kring Chông	UBND xã Kring Chông
120	xã Đắk Ia Lê và xã Ia Hơ	Xã Ia Hơ	UBND xã Đắk Ia Lê
121	xã Ayan và xã Ia Tơ	Xã Ayan	UBND xã Đắk Ia Tơ
122	thị trấn Ia Gông, xã Ia Bô	Xã Ia Gông	UBND huyện Ia Gông
123	xã Ia Tơ, xã Ia Kring và xã Ia Chư	Xã Ia Kring	UBND xã Ia Kring
124	xã Ia Sao, xã Ia Yok, xã Ia Hông và xã Ia Dê	Xã Ia Hông	UBND xã Ia Sao
125	thị trấn Chư Ty và xã Ia Kring	Xã Dê Cơ	Trụ sở UBND huyện Dê Cơ
126	xã Ia Dê và xã Ia Kring	Xã Ia Dê	UBND xã Ia Kring
127	xã Ia Lơ, xã Ia Kring và xã Ia Dê	Xã Ia Kring	UBND xã Ia Lơ
128	xã Ia O	xã Ia O	UBND xã Ia O
129	xã Ia Pich	xã Ia Pich	UBND xã Ia Pich
130	xã Ia Môt	xã Ia Môt	UBND xã Ia Môt
131	xã Ia Pơh	xã Ia Pơh	UBND xã Ia Pơh
132	xã Ia Nưn	xã Ia Nưn	UBND xã Ia Nưn
133	xã Ia Dăm	xã Ia Dăm	UBND xã Ia Dăm
134	xã Ia Chư	xã Ia Chư	UBND xã Ia Chư
135	xã Kring	xã Kring	UBND xã Kring



CHÚ GIẢI

- Trung tâm hành chính tỉnh
- Trung tâm hành chính xã
- Biên giới quốc gia
- Địa giới tỉnh
- Địa giới cấp xã
- Đường sắt
- Cao tốc, quốc lộ, đường tỉnh
- Sông, suối, hồ

[illegible]

Đơn vị hành chính



Khu vực trung tâm Pleiku



Giáo dục - Y tế



Trung tâm tài chính ngân hàng



*Số liệu thống kê tạm tính



Giao dịch tại ngân hàng BIDV

KINH TẾ GIA LAI

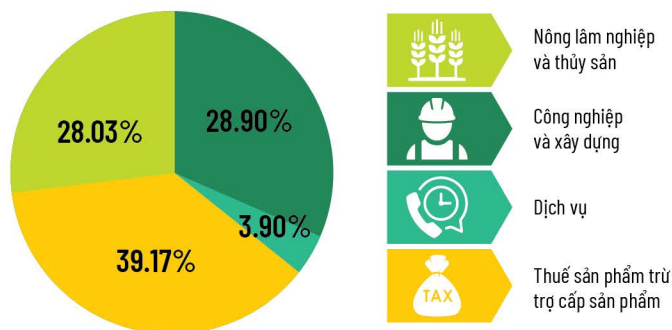




Khu đô thị mới ở Quy Nhơn, gần cầu Hà Thanh 5

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)

(theo giá so sánh năm 2010)



Cơ cấu GRDP theo giá hiện hành



Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá hiện hành
(số liệu năm 2025 ước đạt)



Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)
bình quân đầu người

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

(Số liệu thống kê năm 2024 tạm tính)



Cây hàng năm

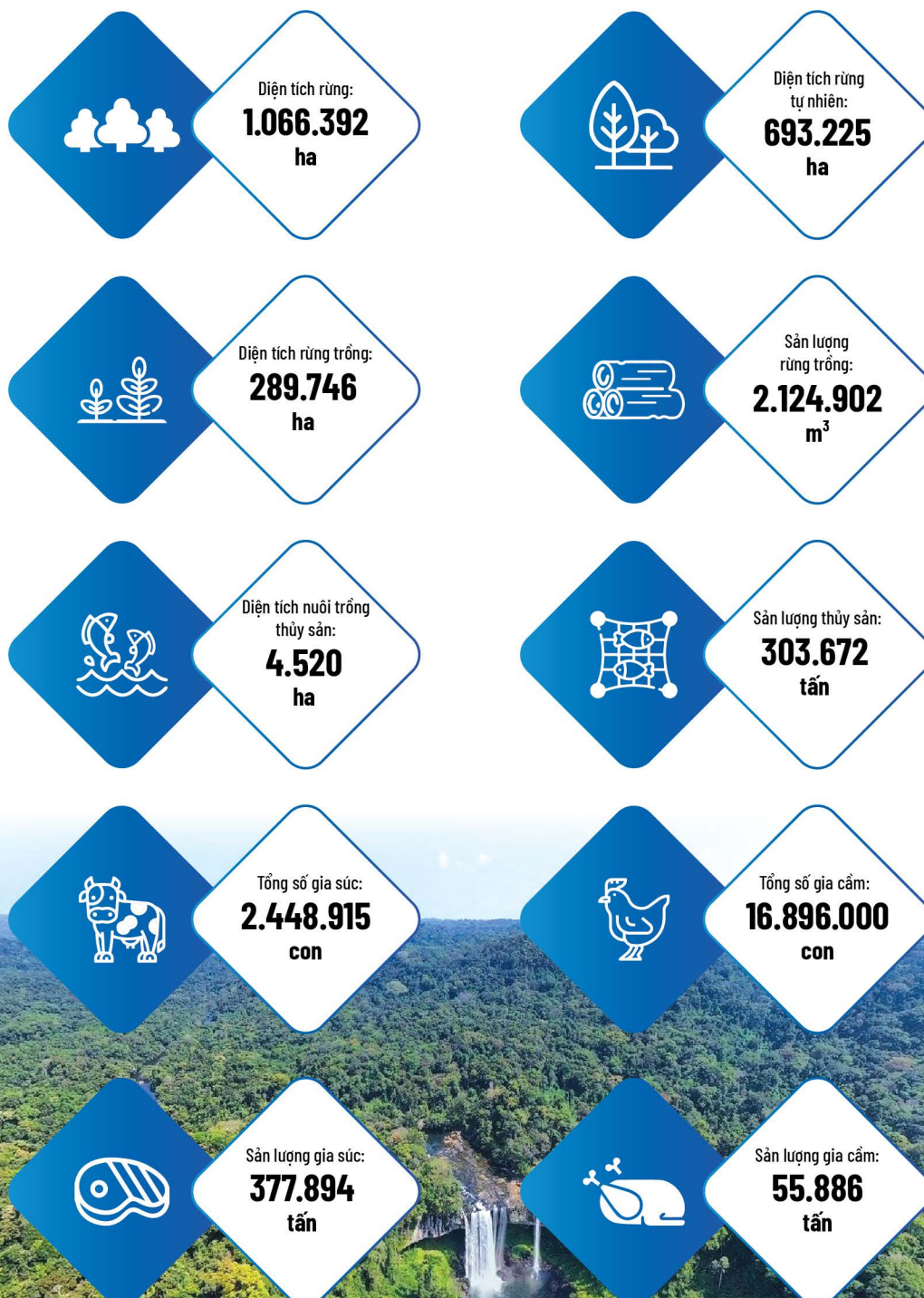


Cây lâu năm



Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

(Số liệu thống kê năm 2024 tạm tính)

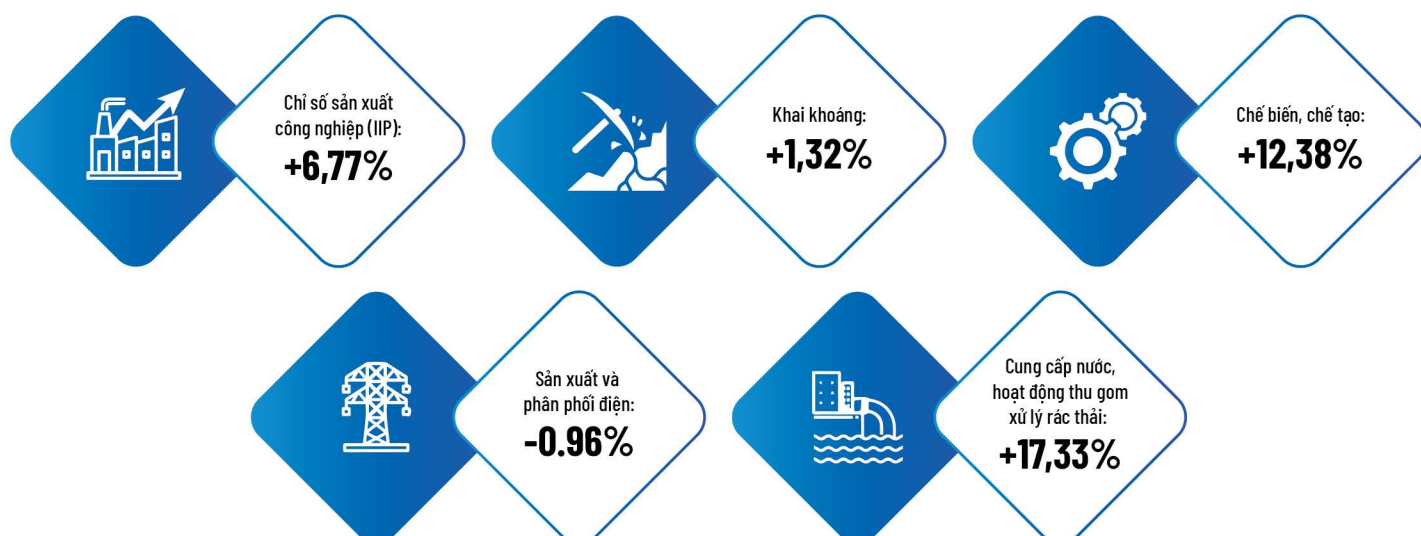


Vườn quốc gia Kon Ka Kinh



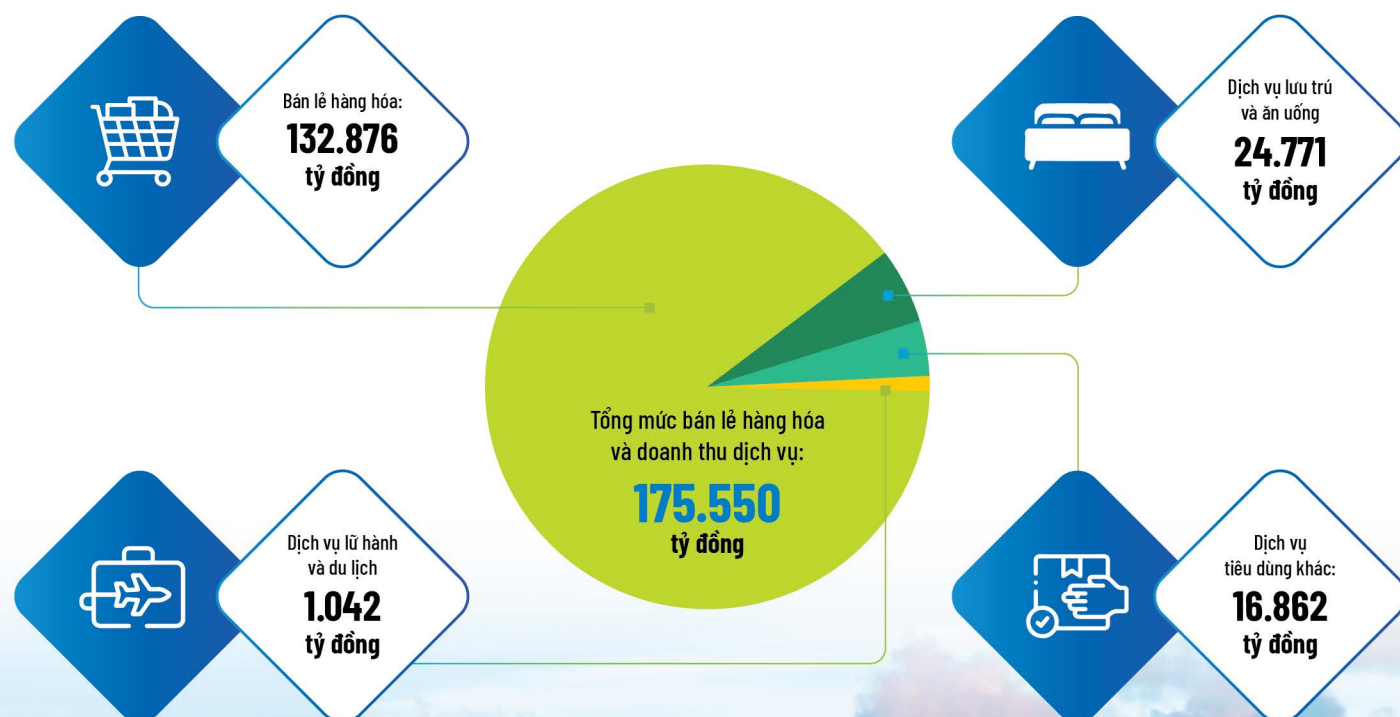
Sản xuất công nghiệp

(Số liệu thống kê năm 2024 tạm tính)



Thương mại - dịch vụ

(Số liệu thống kê năm 2024 tạm tính)



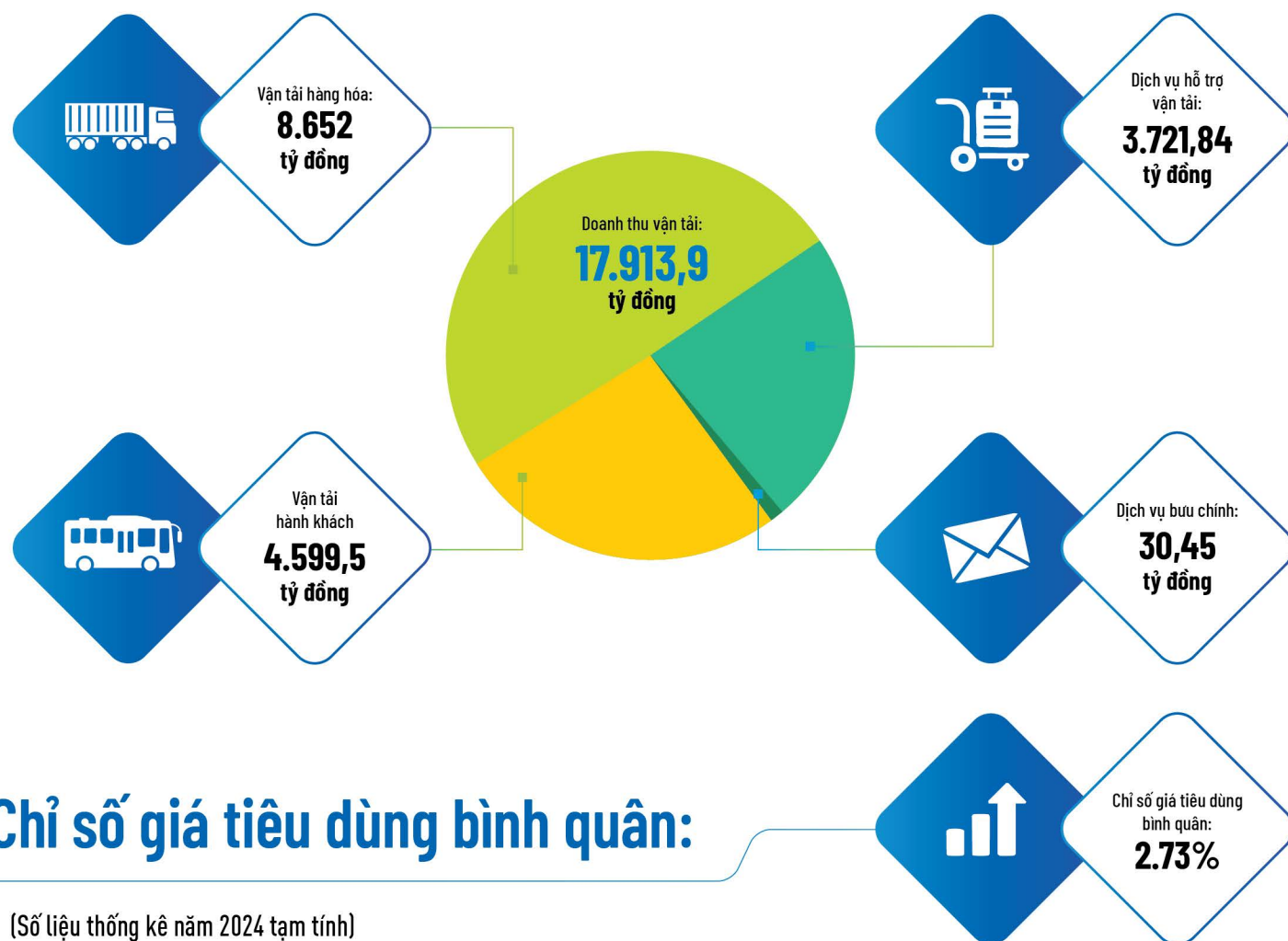
Tàu hàng vào Cảng Quy Nhơn



Xe container tải hàng rời cảng

Thương mại - dịch vụ

(Số liệu thống kê năm 2024 tạm tính)



Chỉ số giá tiêu dùng bình quân:

(Số liệu thống kê năm 2024 tạm tính)



VĂN HÓA XÃ HỘI

Văn hóa - thể thao

Gia Lai sở hữu một nền văn hóa đa sắc và sâu lắng, nơi cộng hưởng giữa tiếng cồng chiêng vang vọng núi rừng, nhịp điệu dân gian của bài chòi, tinh hoa võ cổ truyền, nghệ thuật Tuồng cùng dấu ấn kiến trúc Chăm Pa cổ kính. Trong đó, không gian văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên và Nghệ thuật Bài chòi được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể, đây không chỉ là niềm tự hào, mà còn là nguồn lực tinh thần quý báu, mở đường cho Gia Lai phát triển mạnh mẽ du lịch văn hóa, giáo dục truyền thống và các ngành công nghiệp sáng tạo.

Gia Lai nổi tiếng với Phong trào nhà Tây Sơn; lễ hội Cồng Chiêng Tây Nguyên; lễ cầu mưa, lễ hội Đổng Đa - Tây Sơn, lễ hội cầu ngư... và các lễ hội truyền thống được tổ chức hàng năm; có nhiều làng nghề, nhiều đặc sản với phong cách ẩm thực đặc sắc. Nhiều sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch mang tầm quốc tế như: Giải đua thuyền máy nhà nghề quốc tế UIM F1 H20, Giải Teqball thế giới 2024



Giải đua thuyền máy nhà nghề quốc tế UIM F1 H20



Sân vận động Pleiku



Lễ hội cồng chiêng Gia Lai



Đại học Quy Nhơn

Giáo dục

Hiện nay, tỉnh có 03 trường đại học, 5 phân hiệu đại học cùng hệ thống 21 trường cao đẳng và trung tâm đào tạo nghề, hằng năm cung cấp hàng chục ngàn lao động chất lượng cao, đáp ứng đầy đủ các nhu cầu tuyển dụng đa ngành của các nhà đầu tư. Bên cạnh đó, Gia Lai còn có Trung tâm quốc tế khoa học và giáo dục liên ngành (ICISE), hằng năm đón tiếp các Nhà khoa học đoạt giải Nobel, nơi gặp mặt của các nhà khoa học trên thế giới và Việt Nam.



FPT Campus Quy Nhơn



Sinh viên trường Cao đẳng Công nghệ Quy Nhơn



Một buổi học của sinh viên trường Đại học Quy Nhơn



Trung tâm quốc tế khoa học và giáo dục liên ngành (ICISE)

Y tế - An toàn xã hội

Nâng cao chất lượng y tế và bảo đảm an toàn xã hội là ưu tiên hàng đầu trong công tác phát triển của tỉnh Gia Lai. Việc duy trì an ninh trật tự, bảo vệ sự ổn định xã hội luôn được chú trọng để tạo dựng một môi trường sống an toàn và phát triển bền vững cho người dân. Đồng thời, ngành y tế tỉnh Gia Lai không ngừng cải thiện cơ sở hạ tầng và nâng cao chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh. Các bệnh viện lớn như Bệnh viện Đa khoa Gia Lai, Bệnh viện Đa khoa Bình Định, Bệnh viện Đại học Y Dược - Hoàng Anh Gia Lai, Bệnh viện Quân Y13... đều được đầu tư mạnh mẽ về cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, giúp đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao của người dân. Đội ngũ y bác sĩ có trình độ chuyên môn cao, giúp nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, không chỉ phục vụ người dân địa phương mà còn phục vụ bệnh nhân từ các tỉnh lân cận. Công tác phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe cộng đồng và đảm bảo các dịch vụ y tế cơ bản cho tất cả các tầng lớp xã hội cũng được tỉnh đặc biệt quan tâm, góp phần xây dựng Gia Lai trở thành một tỉnh phát triển toàn diện, bảo vệ sức khỏe và an toàn cho người dân.



Bệnh viện Đa khoa Bình Định



Các Y - Bác sỹ đang trong một ca mổ



Bệnh viện ĐH Y dược Hoàng Anh - Gia Lai



Bí thư Tỉnh ủy Gia Lai Hồ Quốc Dũng gặp gỡ phái đoàn Hàn Quốc

Quan hệ quốc tế

Tỉnh Gia Lai luôn chú trọng mở rộng quan hệ đối ngoại và hợp tác quốc tế nhằm phục vụ mục tiêu phát triển bền vững, hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới. Trong đó, tỉnh có mối quan hệ hữu nghị, hợp tác truyền thống lâu đời với các địa phương của nước bạn Lào và Campuchia, đặc biệt là trong các lĩnh vực thương mại biên giới, giáo dục, y tế và giao lưu văn hóa. Các chương trình hợp tác này góp phần củng cố mối quan hệ láng giềng tốt đẹp, ổn định và phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, tỉnh cũng đã tích cực mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác quốc tế đến từ nhiều quốc gia như Pháp, Thái Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc... trên các lĩnh vực đầu tư, nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo, giáo dục và du lịch. Nhờ môi trường đầu tư thông thoáng, hạ tầng đồng bộ và nhiều tiềm năng thế mạnh, Gia Lai đã thu hút được nhiều nhà đầu tư quốc tế. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có sự hiện diện của các doanh nghiệp, tập đoàn đến từ Hoa Kỳ, Nhật Bản, Nga, Hàn Quốc, Singapore, Thái Lan, Đức, Pháp... với nhiều dự án quy mô lớn, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội.

Trong thời gian tới, Gia Lai tiếp tục đẩy mạnh hội nhập quốc tế, phát huy vai trò cầu nối giữa các cực tăng trưởng kinh tế của Việt Nam và quốc tế, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển toàn diện.



Bí thư Tỉnh ủy Gia Lai Hồ Quốc Dũng trao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho Công ty SYRE Impact AB (Thụy Điển).

5 TRỤ CỘT TĂNG TRƯỞNG



Phát triển công nghiệp chế biến - chế tạo

Phát triển ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, quy mô lớn, có sự bức phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh. Ngành chế biến, chế tạo trở thành trụ đỡ của nền kinh tế; công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo trở thành một trong những lĩnh vực đột phá, góp phần đưa tỉnh Gia Lai trở thành trung tâm công nghiệp năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp số của vùng. Triển khai hiệu quả Đề án phát triển ngành công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và an toàn - an ninh mạng; Đề án xây dựng Khu Công nghệ thông tin tập trung Bình Định với hạ tầng đồng bộ, định hướng phát triển thành hạt nhân của hệ sinh thái công nghệ số, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và đổi mới sáng tạo tại khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

Chú trọng thu hút đầu tư phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch như điện gió ven bờ, điện gió ngoài khơi, điện mặt trời, điện sinh khối, điện rác và nguồn năng lượng mới (hydrogen/amoniac xanh...). Đồng thời, thu hút các dự án sản xuất thép quy mô lớn, đóng tàu, hóa dầu, sản xuất thiết bị phụ trợ điện gió có công nghệ tiên tiến; tăng cường liên kết giữa khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và khu vực trong nước.

Đẩy mạnh hoàn thiện cơ sở hạ tầng, thu hút các nhà đầu tư có tiềm lực, tăng tỷ lệ lấp đầy trong các khu kinh tế, khu công nghiệp hiện hữu, nhất là khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, Khu công nghiệp - Đô thị và Dịch vụ Becamex - VSIP Bình Định. Đầu tư xây dựng mới một số khu công nghiệp trọng điểm như: Phù Mỹ, Hoài Mỹ, Cát Trinh, Bình Nghi, Trà Đa, Nam Pleiku, Nam Pleiku 2, Đak Đoa...; hình thành vành đai công nghiệp Vân Canh - An Nhơn - Phù Cát, phát triển Khu công nghiệp điện tử, bán dẫn Hoà Hội và Khu công nghiệp Cát Trinh gắn với đô thị sân bay Phù Cát; phát triển hành lang công nghiệp dọc đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 25. Tiếp tục đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đồng bộ các cụm công nghiệp hiện có, phát triển các cụm công nghiệp mới theo quy hoạch.



Phát triển các khu công nghiệp theo hướng hiện đại

Phát triển nông nghiệp công nghệ cao - lâm nghiệp bền vững

Phát triển nông nghiệp sinh thái, xanh, thân thiện môi trường, nông nghiệp công nghệ cao gắn với chế biến nông, lâm, thủy sản. Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp, dịch vụ với nông nghiệp. Khuyến khích doanh nghiệp và các thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp gắn với hình thành các chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm.

Khai thác có hiệu quả lợi thế của tỉnh có đất đỏ Bazan, có đồng bằng, đồi núi thấp, đa dạng về điều kiện khí hậu để hình thành vùng nguyên liệu, vùng sản xuất tập trung, vùng chuyên canh lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, tập trung vào các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, có thương hiệu của tỉnh: cà phê, hồ tiêu, chanh dây, sầu, lúc, rau quả sạch, dược liệu, chăn nuôi bò sữa. Xây dựng thương hiệu nông sản, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch và chuỗi giá trị nông nghiệp gắn với ứng dụng thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc. Hình thành trung tâm chế biến nông lâm thủy sản xuất khẩu gắn với các trung tâm dịch vụ logistics và chế biến xuất khẩu nông sản của tỉnh và khu vực. Đến năm 2030, bước đầu đưa Gia Lai trở thành trung tâm công nghiệp chế biến nông - lâm sản của vùng và tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia.

Đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản theo hướng thâm canh tập trung, ứng dụng công nghệ cao; phát triển nuôi trồng hải sản trên biển quy mô lớn, công nghệ cao. Tiếp tục thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ ngư dân khai thác hải sản xa bờ; thực hiện hiệu quả các giải pháp về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo, không theo quy định. Đẩy mạnh thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực khai thác, nuôi trồng thủy sản, nhất là nuôi tôm công nghệ cao, chế biến hải sản xuất khẩu.



Chế biến cá ngừ đại dương

Phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo đảm an ninh nguồn nước, tăng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng, nhất là hình thành bể chứa carbon khu vực và hướng tới thị trường quốc tế tiềm năng. Phát triển trồng rừng gỗ lớn gắn với chứng chỉ rừng theo hướng phát triển bền vững, đáp ứng cơ bản nhu cầu nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến gỗ và thị trường lâm sản. Phát triển các cụm công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản công nghệ cao gắn với các vùng trồng rừng tập trung.



Chăm sóc rau sạch trong nhà kính

Xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh gắn với đô thị hóa, giữ gìn văn hóa truyền thống, thu hẹp khoảng cách giữa các vùng, giữa nông thôn với thành thị. Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và nông thôn mới cấp thôn, bản. Chủ động và đẩy mạnh phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã khởi nghiệp, sáng tạo, thực hiện Chương trình OCOP.



Nông dân Gia Lai thu hoạch cà phê



Giải mô tô nước thể thao quốc tế diễn ra ở Đầm Thị Nại

Phát triển du lịch

Phát triển dịch vụ theo hướng tỉnh Gia Lai trở thành trung tâm văn hóa; du lịch; vận tải biển; ứng dụng khoa học kỹ thuật - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Gắn phát triển dịch vụ với chuyển đổi số, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; ưu tiên phát triển dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin, dịch vụ số, bưu chính; phát triển mạnh các dịch vụ giá trị gia tăng cao (vận tải, logistics, dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm).

Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, xanh, bền vững; đưa Gia Lai trở thành điểm đến du lịch đẳng cấp với các sản phẩm du lịch đa dạng, chất lượng cao, có năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế dựa trên lợi thế biển, sinh thái núi rừng, hồ tự nhiên, di sản văn hóa Tây Nguyên và lịch sử phong trào Tây Sơn... Đẩy mạnh phát triển du lịch cộng đồng, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường liên kết không gian du lịch vùng, các tỉnh liên kế và các quốc gia lân cận. Xây dựng khu Phương Mai - Núi Bà, khu du lịch Biển Hồ - Chư Đăng Ya trở thành khu du lịch quốc gia; khai thác du lịch theo tuyến giao thông An Khê - đường đông Trường Sơn - Quốc lộ 24 - Măng-Đen (Kon Tum).



Thác K50



Du lịch lặn biển



Chèo thuyền sup hồ Ayun Hạ



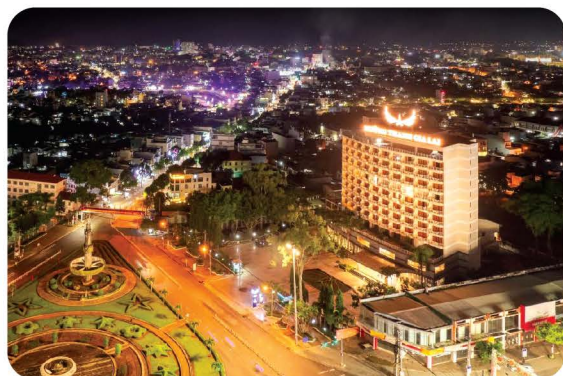
Giao nhận hàng hóa tại Cảng Quy Nhơn

Phát triển dịch vụ cảng và logistics

Phát triển dịch vụ cảng và logistics là một trong những trụ cột chiến lược của tỉnh Gia Lai mới nhằm nâng cao năng lực kết nối hạ tầng, thúc đẩy thương mại, xuất nhập khẩu và hỗ trợ các ngành kinh tế chủ lực. Với lợi thế kết nối liên hoàn từ cao nguyên đến duyên hải và ra thế giới. Tuyến cao tốc Quy Nhơn – Pleiku và Quốc lộ 19 mở ra hành lang Đông – Tây chiến lược, nối cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh đến cảng biển quốc tế Quy Nhơn và Phù Mỹ. Gia Lai là điểm giao thoa của các tuyến huyết mạch quốc gia như cao tốc Bắc – Nam, Quốc lộ 1A, 14 – đóng vai trò cầu nối giữa các cực tăng trưởng kinh tế của đất nước. Hai sân bay chiến lược Pleiku và Phù Cát đang được nâng cấp để hướng tới trung tâm hàng không mới của khu vực. Tỉnh Gia Lai tập trung phát triển cảng – logistics bao gồm cảng biển Quy Nhơn, các cảng biển thuộc khu bến Hoài Nhơn, Phù Mỹ, ga đường sắt Diêu Trì và quy hoạch ga đường sắt tốc độ cao, cảng hàng không Phù Cát, Pleiku, hệ thống cảng cạn dọc theo dọc theo cao tốc Bắc – Nam, cao tốc Quy Nhơn – Pleiku, Quốc lộ 19... Quy hoạch xây dựng trung tâm logistics mới có công suất khoảng 500.000 TEU tại Phù Cát. Phát triển khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh là mắc xích (HUB) logistics, văn hóa, du lịch quan trọng trên hành lang xuyên Á Đông – Tây (QL.19) cửa ngõ kết nối vùng Nam Trung Bộ, Tây Nguyên. Tiếp tục điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách khuyến khích xuất khẩu, nhất là nhóm hàng xuất khẩu có lợi thế. Ngoài ra, tỉnh chú trọng ứng dụng chuyển đổi số, phát triển logistics thông minh và hợp tác vùng để hình thành chuỗi cung ứng hiệu quả, từ sản xuất đến tiêu thụ và xuất khẩu.

Phát triển đô thị theo hướng hiện đại, bền vững

Với địa hình đa dạng, trải dài từ cao nguyên đến duyên hải, các trung tâm đô thị hiện hữu của Gia Lai được định hướng trở thành hạt nhân của các vùng động lực phát triển, có chức năng hỗ trợ lẫn nhau, kết nối hạ tầng và thúc đẩy liên kết vùng. Khu vực trung tâm phía Đông ven biển tập trung phát triển đô thị dịch vụ, du lịch, cảng biển và công nghệ cao; khu vực trung tâm phía Tây phát triển đô thị sinh thái, giáo dục - y tế - văn hóa và nông nghiệp công nghệ cao. Mạng lưới đô thị được đầu tư đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số, nhà ở xã hội, không gian xanh và giao thông thông minh. Đồng thời, tỉnh đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong quy hoạch và quản lý phát triển đô thị, bảo đảm thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. Phát triển đô thị là động lực tăng trưởng, nâng cao chất lượng sống và định hình diện mạo tỉnh Gia Lai mới theo hướng xanh - thông minh - kết nối toàn diện.



Trung tâm Pleiku về đêm



Khu Kinh tế Nhơn Hội đang được xây dựng

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ



A/ Ưu đãi đầu tư đối với dự án đầu tư ngoài Khu kinh tế

ĐIÀ BÀN KT-XH ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN

Các xã: Nhơn Châu¹, An Nhơn Tây², Phù Cát, Xuân An, Ngô Mây, Cát Tiến, Đề Gi, Hòa Hội, Hội Sơn, Phù Mỹ, An Lương, Bình Dương, Phù Mỹ Đông, Phù Mỹ Tây, Phù Mỹ Nam, Phù Mỹ Bắc, Tây Sơn, Bình Khê, Bình Phú, Bình Hiệp, Bình An, Hoài Ân, Ân Trường, Kim Sơn, Vạn Đức, Ân Hảo, Văn Canh, Canh Vinh, Canh Liên, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thịnh, Vĩnh Quang, Vĩnh Sơn, An Hòa, An Lão, An Vĩnh, An Toàn, Ia Ly, Chư Păh, Ia Khuol, Ia Phí, Chư Prông, Bàu Cạn, Ia Bông, Ia Lâu, Ia Pía, Ia Tơ, Ia Púch, Ia Mơ, Chư Sê, Bờ Ngoong, Ia Ko, Albá, Chư Puh, Ia Le, Ia Hru, Cửu An, Đak Pơ, Ya Hội, Kbang, Kông Bơ La, Tơ Tung, Krong, Sơn Lang, Đak Rong, Kông Chro, Ya Ma, Chư Krey, SRó, Đak Song, Chơ Long, Ia Rbol, Ia Sao, Phú Thiện, Chư A Thai, Ia Hiao, Pờ Tó, Ia Pa, Ia Tul, Phú Túc, Ia Dreh, Ia Rsaí, Uar, Đak Đoa, Kon Gang, Ia Bàng, KĐang, Đak Somei, Mang Yang, Lơ Pang, Kon Chiêng, Hra, Ayun, Ia Grai, Ia Krái, Ia Hung, Ia Chia, Ia O, Đúc Cò, Ia Dók, Ia Krêl, Ia Phôn, Ia Dom, Ia Nan, Biển Hồ, Gào.

Các phường: An Khê, An Bình, Ayun Pa.

Các Khu Kinh tế

^{1,2} Đang trình Thủ tướng Chính phủ

Lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư (Thuộc Phụ lục II Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

- **Thuế Nhập khẩu:** Được miễn thuế đối với hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định.
- **Thuế Thu nhập doanh nghiệp:**
 - + Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ dự án quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP;
 - + Thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm đối với thu nhập của doanh nghiệp từ dự án đầu tư mới;
 - + Thuế suất 10% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện xã hội hóa, xuất bản...thuộc các lĩnh vực quy định tại Khoản 2, Điều 15, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP.
 - + Miễn thuế TNDN trong 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.
- **Tiền thuê đất:** Miễn 100% tiền thuê đất.

Lĩnh vực ưu đãi đầu tư (Thuộc Phụ lục II Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

- **Thuế Nhập khẩu:** Được miễn thuế đối với hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định.
- **Thuế Thu nhập doanh nghiệp:**
 - + Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ dự án quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP;
 - + Thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm đối với thu nhập của doanh nghiệp từ dự án đầu tư mới;
 - + Thuế suất 10% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện xã hội hóa, xuất bản...thuộc các lĩnh vực quy định tại Khoản 2, Điều 15, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP.
 - + Miễn Thuế TNDN trong 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.
- **Tiền thuê đất:** Miễn tiền thuê đất 15 năm kể từ ngày dự án hoàn thành, đưa vào hoạt động.

Lĩnh vực khác (Thuộc Phụ lục II Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

- **Thuế Nhập khẩu:** Được miễn thuế đối với hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định.
- **Thuế Thu nhập doanh nghiệp:**
 - + Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ dự án quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP;
 - + Thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm đối với thu nhập của doanh nghiệp từ dự án đầu tư mới;
 - + Miễn Thuế TNDN trong 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.
- **Tiền thuê đất:** Miễn tiền thuê đất 11 năm kể từ ngày dự án hoàn thành, đưa vào hoạt động.

ĐIÀ BÀN KT-XH KHÓ KHĂN

Các xã: Tuy Phước, Tuy Phước Đông, Tuy Phước Tây, Tuy Phước Bắc.

Các phường: Pleiku, Hội Phú, Thống Nhất, Diên Hồng, An Phú.

Các Khu công nghiệp, các Cụm công nghiệp

Lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư (Thuộc Phụ lục II Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

- **Thuế Nhập khẩu:** Được miễn thuế đối với hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định.
- **Thuế Thu nhập doanh nghiệp:**
 - + Thuế suất 17% trong thời hạn 10 năm đối với thu nhập của doanh nghiệp từ dự án đầu tư mới;
 - + Thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm đối với thu nhập của doanh nghiệp từ dự án đầu tư mới thuộc các lĩnh vực quy định tại Mục b, c, d, đ, Khoản 1, Điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP;
 - + Thuế suất 10% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện xã hội hóa, xuất bản...thuộc các lĩnh vực quy định tại Khoản 2, Điều 15, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP;
 - + Thuế suất 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp quy định tại Khoản 14 Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP;
 - + Miễn Thuế TNDN trong 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo;
 - + Miễn thuế trong 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo tại Mục b, c, d, đ, Khoản 1, Điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP.
- **Tiền thuê đất:** Miễn tiền thuê đất 15 năm kể từ ngày dự án hoàn thành, đưa vào hoạt động.

Lĩnh vực ưu đãi đầu tư (Thuộc Phụ lục II Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

- **Thuế Nhập khẩu:** Được miễn thuế đối với hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định.
- **Thuế Thu nhập doanh nghiệp:**
 - + Thuế suất 17% trong thời hạn 10 năm đối với thu nhập của doanh nghiệp từ dự án đầu tư mới;
 - + Thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm đối với thu nhập của doanh nghiệp từ dự án đầu tư mới thuộc các lĩnh vực quy định tại Mục b, c, d, đ, Khoản 1, Điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP;
 - + Thuế suất 10% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện xã hội hóa, xuất bản...thuộc các lĩnh vực quy định tại Khoản 2, Điều 15, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP;
 - + Thuế suất 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp quy định tại Khoản 14 Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP;
 - + Miễn Thuế TNDN trong 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo;
 - + Miễn thuế trong 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo tại Mục b, c, d, đ, Khoản 1, Điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP.
- **Tiền thuê đất:** Miễn tiền thuê đất 11 năm kể từ ngày dự án hoàn thành, đưa vào hoạt động.

Lĩnh vực khác (Thuộc Phụ lục II Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

- **Thuế Nhập khẩu:** Được miễn thuế đối với hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định.
- **Thuế Thu nhập doanh nghiệp:**
 - + Thuế suất 17% trong thời hạn 10 năm đối với thu nhập của doanh nghiệp từ dự án đầu tư mới;
 - + Thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm đối với thu nhập của doanh nghiệp từ dự án đầu tư mới thuộc các lĩnh vực quy định tại Mục b, c, d, đ, Khoản 1, Điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP;
 - + Thuế suất 10% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện xã hội hóa, xuất bản...thuộc các lĩnh vực quy định tại Khoản 2, Điều 15, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP;
 - + Thuế suất 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp quy định tại Khoản 14 Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP;
 - + Miễn Thuế TNDN trong 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo.
 - + Miễn thuế trong 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo tại Mục b, c, d, đ, Khoản 1, Điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP.
- **Tiền thuê đất:** Miễn tiền thuê đất 7 năm kể từ ngày dự án hoàn thành, đưa vào hoạt động.



ĐỊA BÀN KHÁC

Các phường: Quy Nhơn, Quy Nhơn Đông, Quy Nhơn Tây, Quy Nhơn Nam, Quy Nhơn Bắc, Bình Định, An Nhơn, An Nhơn Đông, An Nhơn Tây, An Nhơn Nam, An Nhơn Bắc, Bồng Sơn, Hoài Nhơn, Tam Quan, Hoài Nhơn Đông, Hoài Nhơn Tây, Hoài Nhơn Nam, Hoài Nhơn Bắc.

Lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư (Thuộc Phụ lục II Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	Lĩnh vực ưu đãi đầu tư (Thuộc Phụ lục II Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	Lĩnh vực khác (Thuộc Phụ lục II Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)
- Thuế Nhập khẩu: Miễn thuế Nhập khẩu theo Phụ lục danh mục lĩnh vực được ưu đãi về thuế nhập khẩu (Nghị định 134/2016/NĐ-CP). - Thuế Thu nhập doanh nghiệp: + Thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm đối với thu nhập của doanh nghiệp từ dự án đầu tư mới thuộc các lĩnh vực quy định tại Mục b, c, d, đ, Khoản 1, Điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP; + Miễn thuế trong 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo tại Mục b, c, d, đ, Khoản 1, Điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP; + Thuế suất 10% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện xã hội hóa, xuất bản... thuộc các lĩnh vực quy định tại Khoản 2, Điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP; + Thuế suất 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp quy định tại Khoản 14 Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP. - Tiền thuê đất: Miễn tiền thuê đất 11 năm kể từ ngày dự án hoàn thành, đưa vào hoạt động.	- Thuế Nhập khẩu: Miễn thuế Nhập khẩu theo Phụ lục danh mục lĩnh vực được ưu đãi về thuế nhập khẩu (Nghị định 134/2016/NĐ-CP). - Thuế Thu nhập doanh nghiệp: + Thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm đối với thu nhập của doanh nghiệp từ dự án đầu tư mới thuộc các lĩnh vực quy định tại Mục b, c, d, đ, Khoản 1, Điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP; + Miễn thuế trong 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo tại Mục b, c, d, đ, Khoản 1, Điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP; + Thuế suất 10% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện xã hội hóa, xuất bản... thuộc các lĩnh vực quy định tại Khoản 2, Điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP; + Thuế suất 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp quy định tại Khoản 14 Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP. - Tiền thuê đất: Miễn tiền thuê đất 3 năm kể từ ngày dự án hoàn thành, đưa vào hoạt động.	- Thuế Nhập khẩu: Miễn thuế Nhập khẩu theo Phụ lục danh mục lĩnh vực được ưu đãi về thuế nhập khẩu (Nghị định 134/2016/NĐ-CP). - Thuế Thu nhập doanh nghiệp: + Thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm đối với thu nhập của doanh nghiệp từ dự án đầu tư mới thuộc các lĩnh vực quy định tại Mục b, c, d, đ, Khoản 1, Điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP; + Miễn thuế trong 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo tại Mục b, c, d, đ, Khoản 1, Điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP; + Thuế suất 10% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện xã hội hóa, xuất bản... thuộc các lĩnh vực quy định tại Khoản 2, Điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP; + Thuế suất 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp quy định tại Khoản 14 Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP. - Tiền thuê đất: Không ưu đãi.

B/ Ưu đãi đầu tư đối với dự án đầu tư vào Khu kinh tế

ĐỊA BÀN KT-XH ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN

Cát Tiến, Canh Vinh, Ia Dom

Lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư (Thuộc Phụ lục II Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	Lĩnh vực ưu đãi đầu tư (Thuộc Phụ lục II Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	Lĩnh vực khác (Thuộc Phụ lục II Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)
- Thuế Nhập khẩu: Được miễn thuế đối với hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định. - Thuế Thu nhập doanh nghiệp: + Thuế suất 10% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện xã hội hóa, xuất bản... thuộc các lĩnh vực quy định tại Khoản 2, Điều 15, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP. + Thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh, miễn 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. - Tiền thuê đất: + Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất. + Miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời hạn thuê sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản.	- Thuế Nhập khẩu: Được miễn thuế đối với hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định. - Thuế Thu nhập doanh nghiệp: + Thuế suất 10% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện xã hội hóa, xuất bản... thuộc các lĩnh vực quy định tại Khoản 2, Điều 15, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP. + Thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh, miễn 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. - Tiền thuê đất: + Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất. + Miễn tiền thuê đất 15 năm sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản. + Riêng đối với dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu chức năng trong KKT, Miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời hạn thuê sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản.	- Thuế Nhập khẩu: Được miễn thuế đối với hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định. - Thuế Thu nhập doanh nghiệp: + Thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh, miễn 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. - Tiền thuê đất: + Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất. + Miễn tiền thuê đất 15 năm sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản. + Riêng đối với dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu chức năng trong KKT, Miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời hạn thuê sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản.

ĐỊA BÀN KT-XH KHÓ KHĂN

Tuy Phước Đông

Lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư (Thuộc Phụ lục II Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

- **Thuế Nhập khẩu:** Được miễn thuế đối với hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định.
- **Thuế Thu nhập doanh nghiệp:**
 - + Thuế suất 10% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện xã hội hóa, xuất bản... thuộc các lĩnh vực quy định tại Khoản 2, Điều 15, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP.
 - + Thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh, miễn 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo.
- **Tiền thuê đất:**
 - + Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất.
 - + Miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời hạn thuê sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản.

Lĩnh vực ưu đãi đầu tư (Thuộc Phụ lục II Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

- **Thuế Nhập khẩu:** Được miễn thuế đối với hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định.
- **Thuế Thu nhập doanh nghiệp:**
 - + Thuế suất 10% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện xã hội hóa, xuất bản... thuộc các lĩnh vực quy định tại Khoản 2, Điều 15, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP.
 - + Thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh, miễn 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo.
- **Tiền thuê đất:**
 - + Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất.
 - + Miễn tiền thuê đất 17 năm sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản.

Lĩnh vực khác (Thuộc Phụ lục II Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

- **Thuế Nhập khẩu:** Được miễn thuế đối với hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định.
- **Thuế Thu nhập doanh nghiệp:**
 - + Thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh, miễn 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo.
- **Tiền thuê đất:**
 - + Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất.
 - + Miễn tiền thuê đất 13 năm sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản.
 - + Riêng đối với dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu chức năng trong KKT, miễn tiền thuê đất 15 năm sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản.

ĐỊA BÀN KT-XH KHÁC

Quy Nhơn Đông

Lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư (Thuộc Phụ lục II Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

- **Thuế Nhập khẩu:** Được miễn thuế đối với hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định.
- **Thuế Thu nhập doanh nghiệp:**
 - + Thuế suất 10% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện xã hội hóa, xuất bản... thuộc các lĩnh vực quy định tại Khoản 2, Điều 15, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP.
 - + Thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh, miễn 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo.
- **Tiền thuê đất:**
 - + Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất.
 - + Miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời hạn thuê sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản.

Lĩnh vực ưu đãi đầu tư (Thuộc Phụ lục II Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

- **Thuế Nhập khẩu:** Được miễn thuế đối với hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định.
- **Thuế Thu nhập doanh nghiệp:**
 - + Thuế suất 10% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện xã hội hóa, xuất bản... thuộc các lĩnh vực quy định tại Khoản 2, Điều 15, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP.
 - + Thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh, miễn 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo.
- **Tiền thuê đất:**
 - + Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất.
 - + Miễn tiền thuê đất 15 năm sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản.

Lĩnh vực khác (Thuộc Phụ lục II Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

- **Thuế Nhập khẩu:** Được miễn thuế đối với hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định.
- **Thuế Thu nhập doanh nghiệp:**
 - + Thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh, miễn 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo.
- **Tiền thuê đất:**
 - + Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất.
 - + Miễn tiền thuê đất 11 năm sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản.

C/ Ưu đãi đầu tư đối với dự án đầu tư vào Khu Công viên phần mềm Quang Trung - Gia Lai

ĐỊA BÀN: Quy Nhơn Nam

Lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư (Thuộc Phụ lục II Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

- **Thuế Nhập khẩu:** Được miễn thuế đối với hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định.
- **Thuế Thu nhập doanh nghiệp:**
 - + Thuế suất 10% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện xã hội hóa, xuất bản... thuộc các lĩnh vực quy định tại Khoản 2, Điều 15, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP.
 - + Thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh, miễn 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo.
- **Tiền thuê đất:**
 - + Miễn 100% tiền thuê đất.

Lĩnh vực ưu đãi đầu tư (Thuộc Phụ lục II Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

- **Thuế Nhập khẩu:** Được miễn thuế đối với hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định.
- **Thuế Thu nhập doanh nghiệp:**
 - + Thuế suất 10% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện xã hội hóa, xuất bản... thuộc các lĩnh vực quy định tại Khoản 2, Điều 15, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP.
 - + Thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh, miễn 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo.
- **Tiền thuê đất:** Miễn tiền thuê đất 19 năm kể từ ngày dự án hoàn thành, đưa vào hoạt động.

Lĩnh vực khác (Thuộc Phụ lục II Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

- **Thuế Nhập khẩu:** Được miễn thuế đối với hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định.
- **Thuế Thu nhập doanh nghiệp:**
 - + Thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh, miễn 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo.
- **Tiền thuê đất:**
 - + Miễn tiền thuê đất 15 năm kể từ ngày dự án hoàn thành, đưa vào hoạt động.

GIA LAI VIỆT NAM





TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ TỈNH GIA LAI

Địa chỉ: 183 Lê Hồng Phong, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai

Điện thoại: (+84) 256.3818887 - 256.3818888

Website: www.invest.gialai.gov.vn

